

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN G
TỈNH ĐIỆN B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-7-2021

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN G, TỈNH ĐIỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Quốc Huân

Ông: Phạm Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ch - Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST - HNGĐ ngày 02/3/2021 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản Khong N, xã Mường Kh, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn B, sinh năm 1995

Địa chỉ: Bản Khong N, xã Mường Kh, huyện Tuần G, tỉnh Điện B.

Anh B vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/02/2021, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn B chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng đến ngày 03/10/2016 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Kh, huyện Tuần G, tỉnh Điện B. Hôn nhân là tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được 08 năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị L đi làm ăn xa nên anh B cho rằng chị ngoại tình nên luôn xảy ra cãi vã. Anh chị đã trao đổi, nói chuyện với nhau nhiều

lần song không có kết quả, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Từ đó hai bên anh chị không có quan hệ sinh lý và tình cảm gì. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lò Văn B.

Về quan hệ con chung: Chị L khai anh chị có 02 con chung: Cháu thứ nhất Lò Văn S, sinh ngày 13/12/2012, cháu thứ 2 Lò Văn K, sinh ngày 26/7/2013, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu K đến tuổi thành niên và giao cháu S cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, trả nợ lấy về: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh B song anh B không nhận với lý do chị L xin ly hôn thì chị tự giải quyết. Tòa án đã lập biên bản có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 05/3/2021 và giao các văn bản trên cho ông Lò Văn X (Bố đẻ anh B) ông X cam kết giao cho anh Lò Văn B (Theo xác minh anh B đã được nhận các văn bản tố tụng trên)

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được các văn bản tố tụng anh B vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 22/3/2021, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự song anh B vắng mặt không có lý do, Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh B và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tiến hành giao thông báo kết cho ông Lò Văn Xuân. Ngày 23/3/2021, chị Lò Thị L đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Tuần G mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2021 và đã tổng đạt hợp lệ cho anh B, anh B vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 05/7/2021, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai, về phần con chung, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng

Anh Lò Văn B vắng mặt lần 2 không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn B theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Về con chung: Giao hai cháu Lò Văn S, sinh ngày 13/12/2012 và Lò Văn K, sinh ngày 26/7/2013 cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Không có

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị L là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí DSST cho chị Lò Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn B kết hôn ngày 03/10/2016 đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về việc hoãn phiên tòa: Ngày 15/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Tuần G đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án song bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

[4] Việc thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa chị L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung. HĐXX căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét thấy yêu cầu của chị L không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được 8 năm, đến năm 2019 do anh B nghi ngờ chị L ngoại tình song không đưa ra được chứng cứ gì khiến cuộc sống của anh chị luôn xảy ra tình trạng cãi vã, hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc mặc dù chị L đã cố gắng hàn gắn song không có kết quả, chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2019, từ đó không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ sinh lý tình cảm gì nữa

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh B song anh B vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh B đã không có ý kiến gì đối với yêu

cầu của chị L, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đã thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, vi phạm các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh B đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 23/3/2021, Chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải lần 2. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Theo hai biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 18/3/2021 (BL 37-40) thể hiện về nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không có sự tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm gia đình không còn nữa thể hiện, chị L đã ly thân với anh B từ tháng 7/2019.

HĐXX xét thấy: Mặc dù anh Bánh không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý kiến quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân, song qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân, đủ cơ sở khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn là có thật và đúng như lời khai của chị L. Mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị L xin ly hôn với anh B cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Xét nguyện vọng về con chung: Anh chị có 02 con chung: Cháu thứ nhất Lò Văn S, sinh ngày 13/12/2012, cháu thứ hai là Lò Văn K, sinh ngày 26/7/2013. Tại phiên tòa: Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu K và cháu S đến tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, hiện cả hai cháu đang ở với chị. Theo lời khai của chị L và theo biên bản xác minh điều kiện thu nhập của chị L thì thu nhập vừa làm ruộng vừa làm thuê khoảng 5 triệu đồng/một tháng, anh B làm ruộng cùng gia đình ông Lò Văn X và làm thuê thu nhập cũng khoảng 5 triệu/một tháng. Cả hai đều đủ điều kiện nuôi con. Mặc dù trong đơn nguyện vọng cháu S có nguyện vọng được ở với bố, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng anh B đã không có mặt tại Tòa án, không có văn bản thể hiện quan điểm về con chung, anh B đã tự từ bỏ các quyền của mình. HĐXX căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu S và cháu K, nguyện vọng và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của chị L. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao hai cháu Lò Văn S sinh ngày 13/12/2012, Lò Văn K, sinh ngày 26/7/2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, trả nợ lấy về: Không có

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị L thuộc diện được miễn án phí, HĐXX miễn án phí DSST cho chị Lò Thị L.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân gia đình:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Nguyên đơn chị Lò Thị L được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn B.

2. Về con chung: Giao hai cháu: Lò Văn S sinh ngày 13/12/2012, Lò Văn K, sinh ngày 26/7/2013, cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

4. Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí DSST cho chị Lò Thị L

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị L được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 05/7/2021; Anh Lò Văn B được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Mường Kh (Nơi KĐKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Đình Hà

